

Bản án số: 04/2024/DS-ST

Ngày: 14-3-2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiện

2. Ông Trần Minh Nhựt

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Duyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2023/TLST- DS ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Kim L, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn L, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Trương Kim Th (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn L, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Huỳnh Kim L trình bày tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Vào ngày 15-01-2023 bà Trương Kim Th có mua của bà Huỳnh Kim L một số phân bón, thuốc trừ sâu với số tiền là 45.424.000 đồng và hẹn đến tháng 5-2023 khi lúa chín sẽ bán lúa và trả tiền cho bà L, bà Th nói với bà L là bà làm ruộng 30 công nên bà L tin tưởng bán phân bón, thuốc trừ sâu và cho bà Th. Đến khi lúa chín bà L có đến nhà để thu tiền thì bà Th nói để trả tiền ngân hàng vay đáo hạn xong rồi sẽ trả tiền cho bà L. Sau đó, bà L có đòi tiền bà Th nhiều lần nhưng bà Th vẫn không trả tiền cho bà L. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th phải trả cho bà L số tiền 45.424.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật từ ngày 20-5-2023 cho đến ngày xét xử.

Bị đơn bà Trương Kim Th: Không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không có mặt theo Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa bà Th vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 10-11-2023, bà Huỳnh Kim L có đơn khởi kiện yêu cầu bà Trương Kim Th trả cho bà số tiền mua phân bón và thuốc trừ sâu là 45.424.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật từ ngày 20-5-2023 cho đến ngày xét xử, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Trương Kim Th không có mặt theo Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim L yêu cầu bà Trương Kim Th trả cho bà số tiền mua phân bón và thuốc trừ sâu là 45.424.000 đồng, Tòa án xét thấy số tiền 45.424.000 đồng bà L kiện bà Th tuy chưa được bà Th thừa nhận tại Tòa án nhưng căn cứ vào biên nhận do nguyên đơn cung cấp có nội dung: Ngày 15-01-2023 bà Th thiếu bà L số tiền 45.424.000 đồng và hẹn đến ngày 20-5-2023 sẽ trả tiền cho bà L đều có chữ viết và chữ ký xác nhận của bà Th. Từ đó, cho thấy có việc bà Th mua phân bón và thuốc trừ sâu của bà L với số tiền tổng cộng là 45.424.000 đồng và chưa trả cho bà L. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Th đúng theo quy định pháp luật nhưng bà Th không có mặt theo thông báo của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như xác định trách nhiệm của mình đối với khoản nợ nguyên đơn yêu cầu thanh toán hoặc có ý kiến phản đối lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Như vậy, xem như bà Th đã mặc nhiên thừa nhận các tài liệu chứng cứ do bà L cung cấp cho Tòa án là hợp lệ. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà L là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của bà L về việc tính lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật đối với số tiền 45.424.000 đồng kể từ ngày 20-5-2023 cho đến ngày xét xử: Theo quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối chiếu quy định trên, xét thấy từ ngày 20-5-2023 đến nay bà Th vẫn chưa thanh toán cho bà L số tiền 45.424.000 đồng nên ngoài việc phải trả khoản tiền còn nợ, bà Th còn phải trả tiền lãi được tính trên số tiền nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả nhưng do các bên không thỏa thuận về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng lãi suất 10%/năm được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là phù hợp. Cụ thể là $10\%/năm = 0,833\%/tháng$, tiền lãi được tính như sau:

Số tiền nợ gốc 45.424.000 đồng tính lãi từ ngày 20-5-2023 đến ngày xét xử 14-3-2024 là 09 tháng 24 ngày, tiền lãi là: $45.424.000 \text{ đồng} \times 0,833\% \times 09 \text{ tháng} 24 \text{ ngày} = 3.708.150 \text{ đồng}$.

[3] Căn cứ các điều 357, 430, 434, 440 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim L; buộc bà Trương KimThùy phải trả cho bà L số tiền nợ mua phân bón, thuốc trừ sâu là 45.424.000 và tiền lãi theo quy định pháp luật là 3.708.150 đồng, tổng cộng là 49.132.150 đồng.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho bà L như sau: $49.132.150 \text{ đồng} \times 5\% = 2.456.607 \text{ đồng}$.

Bà Huỳnh Kim L là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 147, 227, 228, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 357, 430, 434, 440 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Kim L.

2. Buộc bà Trương Kim Th trả cho bà Huỳnh Kim L số tiền nợ mua phân bón, thuốc trừ sâu là 45.424.000 và tiền lãi theo quy định pháp luật là 3.708.150 đồng,

tổng cộng là 49.132.150 đồng (Bốn mươi chín triệu một trăm ba mươi hai nghìn một trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Th không trả số tiền trên thì còn phải trả cho bà L khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Kim Th có nghĩa vụ nộp án phí là 2.456.607 đồng (Hai triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm lẻ bảy đồng).

Bà Huỳnh Kim L là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và tiền án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Xuân